

Số: 32 /2021/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi của 03 công ty TNHH một thành viên Thủy lợi: Đông Triều, Yên Lập và Miền Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/ 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/ 6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/ 5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/ 9/ 2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/ 4/2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/ 5/ 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1935/TTr-NN&PTNT-TL ngày 15/5/2021, Văn bản số 2013/SNN&PTNT-TL ngày 19/5/2021 và Báo cáo thẩm định số 118/BC-STP ngày 14/5/2021 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi của 03 Công ty TNHH MTV Thủy lợi: Đông Triều, Yên Lập và Miền Đông với các nội dung chính sau:

1. Diện tích phục vụ.

STT	Hạng mục	Đơn vị	Công ty TNHH MTV Thủy lợi		
			Yên lập	Đông Triều	Miền Đông
1	Tổng diện tích tưới chung cả năm theo các đơn vị dùng nước	ha	15.359,28	6.212,72	11.796,23
2	Tổng diện tích tưới chung cả năm quy đổi về tưới chủ động	ha	13.401,5	5.038,15	5.630,46
3	Tổng diện tích tiêu tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị cả năm	ha	6.054,5	3.869,18	
4	Cấp nước cho sinh hoạt và khu công nghiệp	1.000m ³	3.642,8	936,49	3.105,246

2. Định mức lao động trên đơn vị sản phẩm.

STT	Hạng mục	Đơn vị	Công ty TNHH MTV Thủy lợi		
			Yên lập	Đông Triều	Miền Đông
1	Tổng số công lao động quản lý vận hành, trong đó:	công	65.567,31	28.415,63	31.175,04
	Tổng số công lao động quản lý	công	4.930,0	3.190,0	3.480,0
	Tổng số công lao động phục vụ, phụ trợ	công	11.600,0	3.770,0	4.640,0
	Tổng số công lao động công nghệ gồm:	công	49.037,31	21.455,63	23.055,04
	+ Tổng công QLVH hồ	công	13.330,45	11.077,96	16.035,33
	+ Đập dâng	công	168,98	0,0	736,47
	+ Tổng công quản lý vận hành trạm bơm	công		5.283,05	658,38
	+ Tổng công quản lý vận hành cống đầu mối	công	13.089,18		

	+ Tổng công quản lý vận hành kênh	công	20.418,04	4.323,09	4.758,37
	+ Tổng công quản lý tưới nghiệm thu sản phẩm	công	2.030,65	771,54	866,50
2	Định mức lao động trên đơn vị sản phẩm tưới	công/ha	3,6724	4,4063	4,1624
3	Định mức lao động trên đơn vị sản phẩm tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị	công/ha	0,7345	0,8813	
4	Định mức lao động trên đơn vị sản phẩm cấp nước sinh hoạt và công nghiệp	công/1.000 m ³	3,2681	2,9965	2,4922

3. Định mức sử dụng nước tưới mặt ruộng.

a) Công ty TNHH MTV Thủy lợi Yên Lập

TT	Đối tượng sử dụng nước	Đơn vị	Định mức
1	Lúa vụ Đông Xuân	(m ³ /ha/vụ)	6.742
2	Lúa vụ Mùa	(m ³ /ha/vụ)	5.123
3	Cây vụ Đông	(m ³ /ha/vụ)	2.014

b) Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều

TT	Đối tượng sử dụng nước	Đơn vị	Định mức
1	Lúa vụ Đông Xuân	(m ³ /ha/vụ)	6.660
2	Lúa vụ Mùa	(m ³ /ha/vụ)	6.240
3	Cây vụ Đông	(m ³ /ha/vụ)	2.088

c) Công ty TNHH MTV Thủy lợi Miền Đông

- Khu tưới địa bàn thị xã Móng Cái. Đất pha màu nâu đỏ, nâu vàng, xám xanh, chứa dăm sạn trạng thái mềm dẻo.

TT	Đối tượng sử dụng nước	Đơn vị	Định mức
1	Lúa vụ Đông Xuân	(m ³ /ha/vụ)	6.673
2	Lúa vụ Mùa	(m ³ /ha/vụ)	4.694
3	Cây vụ Đông	(m ³ /ha/vụ)	2.532

- Khu tưới địa bàn huyện Tiên Yên. Đất pha màu xám đen, trạng thái dẻo chảy xen kẹp lớp đất mỏng cát pha chứa hữu cơ.

TT	Đối tượng sử dụng nước	Đơn vị	Định mức
1	Lúa vụ Đông Xuân	(m ³ /ha/vụ)	6.435
2	Lúa vụ Mùa	(m ³ /ha/vụ)	4.191
3	Cây vụ Đông	(m ³ /ha/vụ)	2.481

4. Định mức tiêu thụ điện năng cho các trạm bơm tưới.

Định mức tiêu thụ điện năng cho tưới bình quân được tính toán cho một đơn vị sản phẩm hoàn chỉnh (ha nghiệm thu) ứng với tần xuất 85%. Định mức chi tiết cho từng Công ty như sau:

Đơn vị: Kwh/ha

TT	Nội dung	Yên Lập	Đông Triều	Miền Đông
1	Lúa vụ Đông xuân		467,79	275,26
2	Lúa vụ Mùa		438,29	193,63
3	Cây vụ Đông		76,56	104,45

Đối với năm có lượng mưa khác lượng mưa tính toán, định mức tiêu thụ điện năng cho tưới được nhân với hệ số điều chỉnh theo tổng lượng mưa và hệ số phân bố mưa (chi tiết theo thuyết minh và phụ lục tính toán).

5. Định mức tiêu thụ điện năng cho các trạm bơm tiêu.

Định mức tiêu thụ điện năng cho công tác tiêu thoát nước vụ mùa ứng với tần suất 25% bình quân cho các trạm bơm thuộc Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh là:

TT	Mùa vụ	Định mức tiêu thụ điện năng tiêu thụ điện năng (kw/ha-vụ)		
		Lúa	Phi canh tác	Lưu vực
1	Định mức tiêu thụ điện năng tiêu vụ Mùa (tiết giảm do bơm tiêu kết hợp với công tiêu)	7,73	12,21	14,30

Đối với năm có lượng mưa khác lượng mưa tính toán, định mức tiêu thụ điện năng tiêu thoát nước được nhân với hệ số điều chỉnh theo tổng lượng mưa và hệ số phân bố mưa (chi tiết theo thuyết minh và phụ lục tính toán).

6. Định mức vật tư, nguyên nhiên liệu vận hành bảo dưỡng.

STT	Hạng mục	Đơn vị	Công ty TNHH MTV Thủy lợi		
			Yên lập	Đông Triều	Miền Đông
1	Định mức vật tư vận hành, bảo dưỡng máy móc thiết bị				
	Dầu nhòn	kg/năm	730,60	257,12	471,76
	Dầu Diezen	kg/năm	224,33	126,01	244,46
	Mỡ các loại	kg/năm	550,04	472,45	509,05
	Giẻ lau	kg/năm	465,18	290,92	417,89
	Sơn các loại	kg/năm	615,01	151,90	1.029,56
	Sợi Amiăng	kg/năm		37,16	8,64
	Xăng	kg/năm	2.858,94	15,19	102,96
	Dầu thủy lực	kg/năm			3.000,0
2	Định mức điện năng vận hành	kw/năm	2.056,50	848,25	60.700,63

7. Định mức sửa chữa thường xuyên tài sản cố định.

STT	Hạng mục	Đơn vị	Công ty TNHH MTV Thủy lợi		
			Yên lập	Đông Triều	Miền Đông
1	Tổng chi phí thường xuyên tài sản cố định	1000 đồng	5.084.448,23	2.630.546,95	3.552.742,16
2	Nguyên giá TSCĐ (Tính đến thời điểm xây dựng định mức)	1000 đồng	1.300.624.828,0	331.718.821,92	1.383.889.585,0
3	Định mức sửa chữa thường xuyên TSCĐ (% nguyên giá tài sản cố định)	%	0,391	0,793	0,257

8. Định mức chi phí quản lý doanh nghiệp.

STT	Hạng mục	Đơn vị	Công ty TNHH MTV Thủy lợi		
			Yên lập	Đông Triều	Miền Đông
1	Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm:				
	+ Chi phí vật liệu quản lý	đồng/năm	482.034.444	304.117.156	376.409.667
	+ Chi phí mua ngoài	đồng/năm	714.265.021	528.238.907	444.558.247
	+ Chi phí bằng tiền khác	đồng/năm	1.331.737.723	712.555.308	934.739.096
	+ Thuế, lệ phí	đồng/năm	31.000.000	37.638.255	31.000.000
2	Tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	đồng/năm	2.569.617.164	1.582.549.626	1.786.707.009
3	Định mức chi phí quản lý doanh nghiệp (% tổng quỹ tiền lương năm kế hoạch theo đơn giá	%	13,19%	13,88%	14.39%

Điều 2. Trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Điều 1 Quyết định này, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì và phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Lao động - Thương binh và Xã hội, Công Thương và các cơ quan liên quan thực hiện các nội dung sau:

1. Lập kế hoạch, đặt hàng, đấu thầu công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi, thanh quyết toán các khoản chi phí quản lý, vận hành các công trình do các Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi quản lý trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do các Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình Thủy lợi quản lý trên địa bàn tỉnh;

3. Tổng hợp những vướng mắc phát sinh (nếu có), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/6/2021, thay thế Quyết định số 730/2016/ QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của UBND tỉnh.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công Thương, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc các Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi: Đông Triều, Yên Lập, Miền Đông và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN&PTNT (b/c);
- Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0, V1, V2, NLN3, TM3, TH;
- Lưu: VT, NLN1 (15b-QĐ 84).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Bùi Văn Kháng